

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 25/01/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020; Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 695/TTr-SXD ngày 16/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn.

2. Địa điểm, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp chân đèo Khau Khang. Phía Nam giáp chân đèo Gió. Phía Đông giáp ruộng thôn bản Súng và dãy đồi đất. Phía Tây giáp dãy núi có đường quy hoạch tránh phía Tây.

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 5.080ha.

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng: 196ha.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch: 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỷ lệ bản đồ quy hoạch chung xây dựng: 1/2000.

4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch, động lực phát triển đô thị:

4.1. Tính chất: Là trung tâm huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thương mại, dịch vụ của huyện.

4.2. Chức năng: (tương đương đô thị loại V) Là đô thị hạt nhân vùng có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội vùng huyện Ngân Sơn.

4.3. Động lực phát triển đô thị: Dịch vụ, thương mại, công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

5. Quy mô dân số, đất đai:

5.1. Quy mô dân số:

Hiện trạng dân số xã Vân Tùng năm 2009 = 3.480 người.

Dự báo dân số: Ngắn hạn 2015 = 3.810 người. Dài hạn 2020 = 4.120 người. Định hướng 2030 = 5.600 người.

Hiện trạng dân số nội thị = 2.100 người.

Dự báo dân số nội thị: Ngắn hạn 2015 = 2.330 người. Dài hạn 2020 = 2.540 người. Định hướng 2030 = 3.590 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất xây dựng đô thị:

Diện tích đất hiện trạng: 24,82ha.

Giai đoạn ngắn hạn (2010 - 2015): 40,25ha.

Giai đoạn dài hạn 2020: 61,89ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật chủ yếu:

Cải cứ QCVN01: 2008/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng” và điều kiện cụ thể của trung tâm xã Vân Tùng; các chỉ tiêu cụ thể:

| Hạng mục | Giai đoạn 2011 - 2020 | Giai đoạn 2020 -2030 |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| I- Đất xây dựng đô thị | 120 ÷ 150 m ² / người. | 100 ÷ 120 m ² / người. |
| * Đất dân dụng | 70 ÷ 80 m ² / người. | 60 ÷ 70 m ² / người. |
| - Đất ở | 40 ÷ 50 m ² / người. | 30 ÷ 35 m ² / người. |
| - Đất công trình công cộng | 12 ÷ 14 m ² / người. | 14 ÷ 15 m ² / người. |
| - Đất cây xanh, TDTT | 4 ÷ 5 m ² / người. | 5 ÷ 6 m ² / người. |
| - Đất giao thông | 9 ÷ 11 m ² / người. | 11 ÷ 14 m ² / người. |
| II- Các chỉ tiêu HT – KT | | |
| - Cấp điện | 330 W/ người. | 500 W/ người. |
| - Cấp nước | 80 lít /người / ngày đêm | 100 lít /người / ngày đêm |
| - Thoát nước | 80 lít /người / ngày đêm | 100 lít /người / ngày đêm |
| - Rác thải | 0,8 kg/người / ngày đêm | 1 kg/người / ngày đêm |
| - Tỷ lệ giao thông / đất ĐT | 20 % | 20 - 23% |
| - Mật độ mạng đường chính đô thị | 5 ÷ 6 Km/Km ² | 6,5 ÷ 7,5 Km/Km ² |

7. Hướng phát triển đô thị:

7.1. Hướng phát triển đô thị: Trục trung tâm đô thị hiện hữu, dọc theo đường QL3: Ôn định các khu chức năng đã có; cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp (tăng mật độ xây dựng;

nâng chiều cao tầng). Quy hoạch chức năng: Đất cơ quan hành chính, công trình công cộng, đất ở, cây xanh, thể dục thể thao và đất giao thông đối ngoại.

Phía Bắc: Khai thác quỹ đất dọc tuyến đường từ Tây sang Đông, giáp suối Ngân Sơn, quy hoạch một số tuyến giao thông nội thị, tạo quỹ đất phát triển đô thị.

Phía Đông Nam: Khai thác quỹ đất dọc theo đường từ trung tâm đi xã Thuận Mang, hướng từ Bắc đến Nam; tạo quỹ đất phát triển đô thị (quy hoạch đất ở và đất dịch vụ công cộng); tạo quỹ đất dự trữ phát triển.

Phía Tây Nam: Khu vực này phát triển khu du lịch sinh thái, đất dịch vụ công cộng, đất cây xanh công viên thể dục thể thao và đất quân sự.

Phía Tây Bắc: Chủ yếu phát triển theo đường đi xã Cốc Đán, tạo quỹ đất phát triển đô thị; quy hoạch chủ yếu đất ở và đất dịch vụ công cộng.

7.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị:

Tổ chức không gian đô thị theo nguyên tắc phân khu vực quy hoạch:

+ Phân khu trung tâm: Dọc trục đường QL3, đoạn qua đô thị (bao gồm toàn bộ trung tâm đô thị hiện hữu); Bố trí các khu chức năng: Đất ở (ôn định, cải tạo, chỉnh trang), đất công trình dịch vụ công cộng, đất cơ quan hành chính, đất công viên cây xanh, TDTT, giao thông và đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

+ Phân khu phía Bắc đô thị (phân khu B): Gồm toàn bộ khu phía Bắc, tính từ suối Ngân Sơn đến Lâm trường huyện; quy hoạch một số khu chức năng: Đất cơ quan hành chính, công trình công cộng, đất ở, cây xanh, thể dục thể thao, đất giao thông đối nội.

+ Phân khu phía Đông Nam (phân khu D): Gồm toàn bộ phía Đông Nam, tính từ suối Ngân Sơn về phía Nam, bố trí các khu chức năng: đất ở, đất dịch vụ công cộng và dự trữ phát triển.

+ Phân khu phía Tây Nam (phân khu C): Gồm toàn bộ phía Tây Nam, tính từ suối Ngân Sơn đến đường QL3 đi Bắc Kạn quy hoạch các khu chức năng: Đất ở, đất dịch vụ công cộng, đất cây xanh công viên thể dục thể thao và đất quân sự.

+ Phân khu phía Tây Bắc (phân khu A): Gồm toàn bộ phía Tây Bắc, tính từ đường QL3 đoạn qua trung tâm đến đường tránh phía Tây, khu vực này bố trí đất ở, đất dịch vụ công cộng và đất cây xanh.

7.3. Các trung tâm chức năng:

Khu trung tâm hành chính: Trụ sở cơ quan Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Ngân Sơn và các phòng ban trong huyện được cải tạo, nâng cấp ở vị trí hiện tại.

Khu trung tâm thương mại: Các công trình thương mại cấp đô thị được xây dựng tại khu vực Chợ Ngân Sơn hiện tại bao gồm: Chợ trung tâm và Trung tâm thương mại và quy hoạch tại khu vực phía Đông Nam trung tâm xã bao gồm: Khách sạn, chợ khu vực và trung tâm thương mại.

Khu trung tâm Văn hóa: Nhà văn hóa trung tâm đô thị được xây dựng ở phía Bắc cầu Ngân Sơn, giáp với trụ sở Huyện Ủy - HĐND - UBND huyện.

Khu công viên cây xanh - TDTT: Được bố trí tại khu thung lũng phía Đông trung tâm, dọc suối Ngân Sơn.

Khu trung tâm du lịch: Khu du lịch sinh thái của huyện được bố trí ở khu vực phía Tây Nam của trung tâm đô thị.

7.4. Tạo các không gian mở, điểm nhấn và các điểm cửa ngõ đô thị:

Cửa ngõ phía Bắc: Ngã ba giao giữa QL3 (đường đi Cao Bằng) và đường đi xã Cốc Đán.

Cửa ngõ phía Nam: Ngã ba giao giữa đường QL3 (đường hướng từ thị xã Bắc Kạn vào đô thị) và đường đi xã Thuần Mang.

Cửa ngõ phía Đông Nam: Ngã tư giao giữa đường tránh phía Đông và đường đi xã Thuần Mang.

Trục không gian chính của đô thị bao gồm 02 trục: trục đường QL3 đoạn qua đô thị và trục Tây Đông dọc suối Ngân Sơn.

8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

8.1. Đất ở:

Các khu ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang: Nằm rải rác ở 4 phân khu, nhưng chủ yếu là dân cư 2 bên đường QL3 và dân cư 2 bên đường tỉnh lộ đi xã Thuần Mang. Khai thác quỹ đất còn trống trong các khu ở, tăng mật độ, chiều cao bình quân và tăng hệ số sử dụng đất.

Các khu ở mới: Phát triển khu vực phía Bắc và phía Tây trung tâm xã thuộc phân khu A, phía Tây Nam thuộc phân khu C, phía Đông thuộc phân khu B và phân khu trung tâm.

8.2. Đất công trình công cộng:

Các công trình giáo dục THPT, dạy nghề tập trung ở phân khu B; Các công trình tiểu học, THCS bố trí ở phân khu A, trường mầm non bố trí ở phân khu D.

Các công trình văn hoá: Bố trí tại phân khu trung tâm, liền kề với trụ sở Huyện Ủy – HĐND - UBND huyện.

Các công trình dịch vụ, thương mại: Phát triển trên cơ sở khu vực hiện hữu; phát triển thành trung tâm dịch vụ thương mại.

Các công trình hành chính các cấp, các công trình cơ quan: Trụ sở Huyện Ủy - HĐND- UBND huyện được bố trí ở khu vực gần đường QL3, giáp suối Ngân Sơn về phía Bắc (xây dựng trên cơ sở khu vực hiện hữu). Các công trình cơ quan khác được bố trí chủ yếu dọc đường QL3 đoạn qua trung tâm đô thị.

8.3. Đất cây xanh TĐTT: Bố trí tại khu vực thung lũng phía Đông thuộc phân khu B; suối Ngân Sơn đoạn phía Đông được xác định là trục không gian chính, cấu thành khu cây xanh tập trung.

8.4. Đất du lịch sinh thái, dịch vụ nghỉ dưỡng: Bố trí tại khu vực phía Tây Nam thuộc phân khu C.

8.5. Đất đặc biệt:

Trụ sở Huyện đội: Giữ nguyên vị trí hiện tại thuộc phân khu trung tâm. Đất quân sự: Bố trí ở phía Tây Nam, thuộc phân khu C.

8.6. Đất chuyên dùng: Lâm trường, vườn ươm, giữ nguyên tại vị trí hiện tại, thuộc phân khu B.

8.7. Các loại đất không xây dựng được (núi cao, đất rừng...) nằm phân bố ở các phân khu.

Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

Bảng sử dụng đất trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn

| TT | Hạng mục | Hiện trạng 2009 | | | Quy hoạch | | | | | |
|----------|---|--------------------|--------------|--------------------|---------------|--------------|---------------|---------------|--------------|---------------|
| | | Ha | % | m ² /ng | 2015 | | 2020 | | Ha | % |
| | Tổng diện tích đất Khu vực lập quy hoạch | 196,00 | 100,0 | | 196,00 | 100,0 | | 196,00 | 100,0 | |
| | - Đất xây dựng đô thị | 24,82 | 12,7 | | 40,25 | 20,5 | | 61,89 | 31,6 | |
| | - Đất khác | 171,18 | 87,3 | | 155,75 | 79,5 | | 134,11 | 68,4 | |
| A | Tổng diện tích đất xây dựng đô thị | 24,82 | 100,0 | 118,2 | 40,25 | 100,0 | 117,61 | 61,89 | 100,0 | 114,88 |
| I | Đất dân dụng | 15,39 | 62,0 | 73,3 | 26,55 | 66,0 | 77,59 | 44,72 | 72,3 | 83,01 |
| - | Đất các đơn vị ở | 10,25 | 41,3 | 48,8 | 16,43 | 40,8 | 48,0 | 25,86 | 41,8 | 48,0 |
| - | Đất CTCC đô thị | 2,02 | 8,2 | 9,6 | 2,94 | 7,3 | 8,6 | 4,31 | 7,0 | 8,0 |
| - | Đất cây xanh, TĐTT | 1,12 | 4,5 | 5,3 | 3,08 | 7,7 | 9,0 | 6,47 | 10,4 | 12,0 |
| - | Đất giao thông đô thị | 2,00 | 8,1 | 9,5 | 4,11 | 10,2 | 12,0 | 8,08 | 13,1 | 15,0 |
| II | Đất ngoài dân dụng | 9,43 | 38,0 | 44,9 | 13,69 | 34,02 | 40,01 | 17,17 | 27,7 | 31,87 |
| - | Cơ quan, trường chuyên nghiệp | 4,08 | 16,4 | 19,4 | 4,89 | 12,2 | 14,3 | 5,87 | 9,5 | 10,9 |
| - | Đất CN, TTCN, kho tàng | 0,00 | 0,0 | 0,0 | 0,75 | 1,9 | 2,2 | 1,50 | 2,4 | 2,8 |
| - | Đất giao thông đối ngoại | 2,20 | 8,9 | 10,5 | 3,30 | 8,2 | 9,6 | 4,29 | 6,9 | 8,0 |
| - | Đất cây xanh mặt nước- sinh thái | 2,60 | 10,5 | 12,4 | 4,20 | 10,4 | 12,3 | 4,96 | 8,0 | 9,2 |
| - | Đất nghĩa trang, nghĩa địa | 0,05 | 0,2 | 0,2 | 0,05 | 0,1 | 0,1 | 0,05 | 0,1 | 0,1 |
| - | Đất an ninh quốc phòng | 0,50 | 2,0 | 2,4 | 0,50 | 1,2 | 1,5 | 0,50 | 0,8 | 0,9 |
| B | Đất khác | 171,18 | | | 155,75 | | | 134,11 | | |
| 1 | Đất nông nghiệp | 41,50 | | | 37,35 | | | 33,62 | | |
| 2 | Đất khu dân cư nông thôn | 1,38 | | | 2,69 | | | 4,40 | | |
| 3 | Đất lâm nghiệp(đồi núi) | 123,50 | | | 110,91 | | | 91,29 | | |
| 4 | Diện tích mặt nước đất sông suối | 4,80 | | | 4,80 | | | 4,80 | | |

9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

9.1. Giải pháp san nền thoát nước mưa.

San nền cục bộ, giạt cấp theo từng tổ hợp công trình của từng khu vực, hạn chế san gạt đồi núi; chủ yếu cân bằng đào đắp tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường. Cao độ tối thiểu xây dựng khu vực quy hoạch là 483,10m.

Đối với các khu vực xây dựng hiện trạng, cơ bản giữ nguyên cao độ.

Đối với khu dân cư bám dọc theo QL3, cao độ san nền từ 487,75m đến 511,20m.

Cao độ các nút giao thông được xác định phù hợp với mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

Giải pháp thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa trong khu vực quy hoạch được thiết kế riêng rẽ với mạng lưới thoát nước thải. Hướng thoát nước mưa chính khu vực trung tâm đổ vào suối Ngân Sơn. Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu theo các tuyến cống và mương chính được bố trí dọc hai bên đường giao thông (trên vỉa hè); bố trí các giếng thu, hố ga; độ dốc thiết kế $> 0,005$.

9.2. Quy hoạch giao thông:

Giao thông đối ngoại: Mở rộng, nâng cấp QL3 đoạn qua trung tâm có lộ giới 17m. Quy hoạch tuyến đường tránh QL3, hướng Bắc Nam, nằm phía Đông đô thị có lộ giới 16,5m.

Giao thông nội thị: Quy hoạch đường tránh phía Tây đô thị, hướng Nam Bắc có lộ giới 17m. Đường giao thông nội thị từ trung tâm đô thị qua nghĩa trang, đi Lâm trường Ngân Sơn được giữ nguyên mặt cắt theo Dự án là 13,5m.

+ Quy hoạch mạng lưới đường nội bộ gồm các loại đường có lộ giới 13,5m và lộ giới 11,5m.

Bãi đỗ xe (giao thông tĩnh): Bố trí 01 bãi đỗ xe chính nằm phía Đông đô thị, diện tích khoảng 02ha. Ngoài ra tổ chức hệ thống bãi đỗ xe tại các trung tâm thương mại, trung tâm công cộng lớn đáp ứng nhu cầu.

9.3. Quy hoạch định hướng cấp điện:

Tổng nhu cầu dùng điện: Đợt đầu 2015 = 1.492KW; Tương lai 2020 = 3.414KW.

Định hướng cấp điện: Đợt đầu đến 2015, nguồn cung cấp từ trạm 110/35/22KV Bắc Kạn công suất (25+16)MVA. Tương lai đến năm 2020: Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 đến 2015 có xét đến năm 2020 tại thị trấn Nà Phặc dự kiến xây dựng trạm 110/35/22kv công suất 1x16MVA. Trạm được đấu nối từ đường dây 110KV Bắc Kạn Cao Bằng. Đường dây 35KV hiện có sẽ đấu nối vào trạm 110KV Nà Phặc cung cấp điện cho đô thị.

Lưới 35KV: Giai đoạn đầu đường dây 35KV từ trạm 110KV Bắc Kạn đến trạm trung tâm đô thị giữ nguyên tiết diện dây AC-70; giai đoạn dài hạn cải tạo đường dây 35KV có tiết diện AC-150.

Trạm lưới 35/0,4 KV: Các trạm lưới 35/0,4 KV hiện có cải tạo nâng công suất đáp ứng cung cấp điện. Các khu vực mới xây dựng bố trí các trạm 35/0,4KV cung cấp điện phù hợp với công suất yêu cầu.

Lưới hạ áp 0,4 KV: Với các tuyến 0,4KV hiện có giữ nguyên, đồng thời cải tạo nâng tiết diện đảm bảo cấp điện cho các phụ tải. Mạng lưới 0,4 KV xây dựng mới bố trí đi nổi. Đường trục trung tâm xã có thể dùng cáp ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị.

Lưới 0,4 KV tổ chức theo mạng hình tia dùng cáp vặn xoắn ABC:

Đường dây 0,4KV dùng cột bê tông li tâm cao ≥ 8 m khoảng cách trung bình 35 đến 45m.

Lưới chiếu sáng: Toàn bộ các đường có mặt cắt $\geq 3,5$ m đều được chiếu sáng. Đường có mặt cắt $\geq 16,5$ m bố trí 2 tuyến chiếu sáng 2 bên đường. Các trục đường trung tâm được xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị và dùng cáp ngầm. Tuyến chiếu sáng khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4KV cấp điện cho sinh hoạt.

9.4. Quy hoạch cấp nước:

Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn 2015 = 1.100 m³/ngđ; giai đoạn 2020 = 1.500 m³/ngđ.

Nguồn nước: Nước mặt suối Vân Tùng và suối Hang Dơi (cách xa trung tâm 2km về phía Tây Nam); trong đó nguồn nước từ Hang Dơi có chất lượng tốt và đảm bảo cấp nước lâu dài, vì vậy chọn đây là nguồn chính cấp cho đô thị.

Giải pháp cấp nước: Hiện tại hệ thống cấp nước với công suất 1100m³/ngđ đảm bảo cấp nước cho đô thị; quy hoạch giai đoạn 2015 nâng công suất lên 1.500m³/ngđ.

Mạng lưới đường ống: Thiết kế mạng lưới đường ống theo mạng vòng kết hợp nhánh. Hệ thống đường ống phân phối được bố trí theo quy hoạch đi trên các hè đường giao thông đến các khu dân cư và các công trình.

Hệ thống cấp nước cứu hoả được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt.

Ngoài ra bố trí một bến lấy nước tại suối Ngân Sơn.

9.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Tổng lưu lượng nước thải giai đoạn I: $Q_t=800$ m³/ng.đ; giai đoạn II: $Q_t=1.200$ m³/ng.đ.

Giải pháp quy hoạch: Quy hoạch mạng lưới thu gom nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa; Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải tập trung tại vùng hạ lưu suối Ngân Sơn; Kết cấu hệ thống thoát nước thải dùng công hộp Bê tông cốt thép.

Vệ sinh môi trường: Nguồn phát sinh chất thải rắn chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt; Lượng chất thải rắn trung bình là 0,8kg/người/ngày; tổng lượng chất thải phát sinh: Năm 2015 khoảng 4,90 tấn/ngày; năm 2020 khoảng 7,10 tấn/ngày; Rác thải sinh hoạt được thu gom theo các trục đường và khu dân cư được tập kết và chuyển đến bãi xử lý rác tại xóm Lanh có quy mô 1ha (cách bản Súng 2km); Quy hoạch vị trí khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thôn Đông Piều, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn với quy mô 6 ha, giai đoạn dài hạn (2030) mở rộng quy mô 12-15ha.

Nghĩa trang tập trung: Quy hoạch 01 nghĩa trang tập trung cho thị trấn khoảng 01ha tại xóm Lanh.

10. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực quy hoạch:

Tôn trọng môi trường cảnh quan, phát huy tối đa ưu thế về không gian cây xanh, đồi núi, mặt nước, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa, thân thiện với môi trường và giữ gìn bản sắc vùng miền.

Tuân thủ các quy định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt trong quá trình lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng và trong quá trình quản lý xây dựng theo quy hoạch về: Chức năng trong khu quy hoạch, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, chiều cao khống chế, vị trí khoảng cách các công trình ngầm.

Các công trình được đầu tư xây dựng trong trung tâm xã, thực hiện đúng quy trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch cần thiết kế theo hướng hiện đại, kiến trúc đẹp kết hợp yếu tố bản địa, tạo nét đặc sắc của địa phương và đảm bảo bền vững.

Mật độ xây dựng khu cây xanh không quá 5%, công trình công cộng không quá 40%, các yêu cầu khác theo quy định.

11. Các vấn đề về quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch các khu chức năng đặc biệt về an ninh quốc phòng cần tuân thủ các quy định của quốc phòng. Lưu ý quỹ đất để xây dựng các khu vực phòng thủ, khu sơ tán, trận địa quân sự, các vị trí địa hình quan trọng đã được Bộ Quốc phòng xác định để quy hoạch riêng cho đất quốc phòng, an ninh.

Quy hoạch các bãi tập của dân quân tự vệ và đảm bảo bí mật cho các khu quân sự...

12. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

Các Đồ án quy hoạch xây dựng đều phải có đánh giá môi trường chiến lược, nhằm kiểm soát môi trường và các tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch

Các dự án đầu tư xây dựng công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và trong quá trình vận hành để bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thường xuyên duy tu, bảo trì, quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang vv...

Có biện pháp an toàn về sử dụng hóa chất, chất độc hại, chất thải nguy hại, chất thải bệnh viện vv...

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, quan trắc môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Khai thác tài nguyên một cách hợp lý trong đó có khai thác đất, đá, cát sỏi, vật liệu xây dựng cần có phương án cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định.

13. Chương trình ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện:

13.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

Chuẩn bị kỹ thuật: San nền khu vực xây dựng các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị (các công trình trọng điểm).

Giao thông: Mở rộng nâng cấp đường QL3 đoạn qua trung tâm đô thị; Xây dựng đường tránh phía Tây đô thị; Xây dựng mới một số tuyến đường theo quy hoạch.

Cấp điện: Di chuyển tháo dỡ một số đoạn đường dây theo đúng quy hoạch và ngầm hóa một số khu vực; Điều chỉnh, xây dựng lắp đặt lại một số trạm biến áp phù hợp với quy mô công suất của quy hoạch; Bổ sung hệ thống chiếu sáng cho các trục đường đô thị mới được đầu tư xây dựng hoàn thiện.

Cấp nước: Xây dựng trạm xử lý nước đồng bộ, đảm bảo nâng công suất cung cấp nước từ 1.100m³/ngày lên 1.500m³/ngày. Từng bước hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống cấp nước theo nguyên tắc mạch vòng kết hợp mạch nhánh, đảm bảo cấp nước theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của dân cư đô thị.

Thoát nước thải: Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung. Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của đô thị.

Rác thải: Đầu tư hệ thống thu gom rác thải, phân loại rác. Đầu tư hoàn chỉnh bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh với tại thôn Đông Triều với quy mô 06ha.

Nghĩa trang: Xây dựng 01 nghĩa trang tại xóm Lanh, có quy mô 01ha.

Ưu tiên phát triển một số dự án khu dân cư, công trình công cộng, dịch vụ thương mại, du lịch... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

13.2. Nguồn lực thực hiện:

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn tài trợ, vốn huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ khai thác hạ tầng; Vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp...

14. Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch: 920.334.000, đồng. (Chín trăm hai mươi triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Trong đó: + Chi phí khảo sát: 215.000.000, đồng.

+ Lập quy hoạch chung xây dựng: 705.334.000, đồng.

(Chi tiết các khoản chi phí: Theo nội dung Tờ trình số 695/TTr-SXD ngày 16/11/2012 của Sở Xây dựng).

Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này thay thế phần tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch đã ghi tại Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn.

15. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng sau khi được Sở Xây dựng xác nhận thẩm định, UBND huyện có trách nhiệm bàn giao cho các đơn vị đã ghi tại Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh và bàn giao cho Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch 01 bộ để các đơn vị lưu trữ và thực hiện.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ.

1. Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trước mắt tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa sau khi đồ án quy hoạch chung được phê duyệt.


2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND huyện Ngân Sơn, Chủ tịch UBND xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (19b) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

